

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Công trình Giao thông Hà Nội. Công ty được chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần theo quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105292 do Sở Kế hoạch và đầu tư - Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/05/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HA NOI TRANSPORT PROJECT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: HATOS., JSC

Cổ phiếu của Công ty đang được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lưu giữ và quản lý. Mã chứng khoán: GH3.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Thái Hòa
Ông Vũ Thanh Tùng
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy
Ông Đặng Trần Trung
Ông Nguyễn Xuân Trường

Chức vụ

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 24/4/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Đức Linh
Ông Nguyễn Văn Dân
Bà Nguyễn Hải Yến

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Thái Hòa
Ông Vũ Thanh Tùng
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Thái Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020

của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hà Nội

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hà Nội, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm của các Chủ đầu tư là khối doanh nghiệp số tiền là 3.305.924.580 đồng tại thời điểm 31/12/2020. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ, đúng đắn và khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty;

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Trung Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		204.576.190.124	230.434.852.031
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	13.198.298.845	41.753.234.076
1. Tiền	111		13.198.298.845	9.753.234.076
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	32.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.02	66.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		66.000.000.000	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.387.728.110	129.707.846.310
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	82.000.902.999	114.529.649.509
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.05	7.689.167.242	7.681.966.567
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.06	7.781.991.035	7.496.230.234
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.04	(7.084.333.166)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.07	34.990.163.169	28.973.771.645
1. Hàng tồn kho	141		34.990.163.169	28.973.771.645
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.140.239.548	67.065.489.304
I. Tài sản cố định	220		3.768.400.587	2.965.122.479
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	3.768.400.587	2.947.393.368
- Nguyên giá	222		46.321.821.203	44.354.393.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.553.420.616)	(41.407.000.561)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	-	17.729.111
- Nguyên giá	228		269.560.000	269.560.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.560.000)	(251.830.889)
II. Bất động sản đầu tư	230	5.10	31.035.552.669	32.162.561.337
- Nguyên giá	231		50.715.389.861	50.715.389.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.679.837.192)	(18.552.828.524)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.693.230.071	29.806.028.986
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	33.693.230.071	29.806.028.986
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.643.056.221	2.131.776.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.643.056.221	2.131.776.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		274.716.429.672	297.500.341.335

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		155.234.743.764	178.018.655.427
I. Nợ ngắn hạn	310		153.320.654.496	176.069.606.176
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	91.995.494.244	94.025.723.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	8.282.332.873	28.687.485.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	5.549.799.339	4.456.352.782
4. Phải trả người lao động	314		23.442.864.474	30.050.543.514
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	5.487.937.181	1.195.236.116
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	16.412.423.983	15.231.591.591
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.149.802.402	2.422.673.649
II. Nợ dài hạn	330		1.914.089.268	1.949.049.251
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	1.914.089.268	1.949.049.251
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		119.481.685.908	119.481.685.908
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	119.481.685.908	119.481.685.908
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.962.090.391	3.962.090.391
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.800.000)	(10.800.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		530.395.517	530.395.517
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		274.716.429.672	297.500.341.335

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc






Nguyễn Hải Yến

Trần Thị Nguyệt

Trương Thái Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	276.683.348.631	293.741.256.523
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.01	1.208.745.381	1.337.270.113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.01	275.474.603.250	292.403.986.410
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	259.847.902.061	276.867.301.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.626.701.189	15.536.685.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	5.499.448.091	4.367.177.869
7. Chi phí tài chính	22	6.04	74.719.948	67.857.284
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		74.719.948	67.857.284
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	12.772.724.585	11.281.540.836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.278.704.747	8.554.465.124
11. Thu nhập khác	31		364.442.758	84.390.849
12. Chi phí khác	32		-	344
13. Lợi nhuận khác	40	6.06	364.442.758	84.390.505
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.643.147.505	8.638.855.629
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.07	1.728.629.501	1.727.771.126
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.914.518.004	6.911.084.503
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	400	380

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Nguyệt

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trương Thái Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		319.644.527.791	287.062.139.992
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(191.436.112.474)	(165.496.369.511)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(88.173.219.655)	(87.433.927.002)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(74.719.948)	(67.857.284)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.215.941.250)	(1.470.064.848)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.740.377.066	16.549.536.461
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.554.896.136)	(65.395.852.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.930.015.394	(16.252.394.790)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.939.827.274)	(88.909.091)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(107.000.000.000)	(30.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		71.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.764.794.298	4.336.153.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.175.032.976)	(25.752.755.671)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29.752.356.869	34.931.015.908
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.752.356.869)	(34.931.015.908)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.309.917.649)	(3.631.559.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.309.917.649)	(3.631.559.536)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(28.554.935.231)	(45.636.709.997)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	41.753.234.076	87.389.944.073
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	13.198.298.845	41.753.234.076

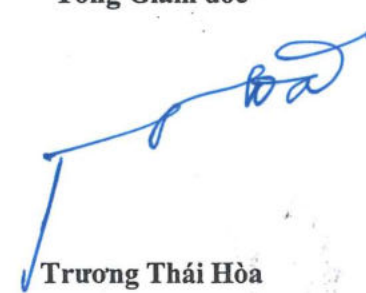
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hải Yến

Trần Thị Nguyệt

Trương Thái Hòa

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Công trình Giao thông Hà Nội. Công ty được chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần theo quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty Cổ phần số 0100105292 do Sở Kế hoạch và đầu tư - Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/05/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HA NOI TRANSPORT PROJECT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: HATOS., JSC

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105292 do Sở Kế hoạch và đầu tư - Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 15/05/2019, vốn điều lệ của Công ty là 115.000.000.000 VND (Một trăm mười lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lưu giữ và quản lý. Mã chứng khoán: GH3.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Số lao động bình quân có hợp đồng lao động dài hạn được đóng bảo hiểm của Công ty năm 2020 là 439 người (tại ngày 31/12/2019 là 440 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Cho thuê xe có động cơ chi tiết: Cho thuê ô tô, nhóm này gồm: Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm); Cho thuê xe tải, bán romooc và xe giải trí;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết:
 - Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng gồm: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển: Xe cần trục; Dàn giáo, bộ không phải lắp ghép hoặc tháo dỡ;
- Quản lý bảo trì công trình đường bộ; Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống: cầu, hầm, đường, hè (biển báo, biển phố, đảo giao thông, sơn kẻ đường, giải phân cách luồng đường, thiết bị an toàn giao thông vận tải);

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình); Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là Quản lý, duy tu bảo trì và xây dựng cơ bản các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông...; Kinh doanh Bất động sản cho thuê; và dịch vụ khác.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây dựng của Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án công ty thực hiện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh hoạt động cho thuê bất động sản theo thời gian hợp đồng cho thuê trả tiền hàng kỳ.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc (không hạch toán kế toán riêng) bao gồm:

- Văn phòng Công ty;
- Xí nghiệp Quản lý Công trình Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Quản lý Công trình Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Quản lý Công trình Giao thông số 3;
- Xí nghiệp Quản lý Công trình Giao thông số 4;
- Xí nghiệp Quản lý Công trình Giao thông số 5;
- Xí nghiệp Xe máy thi công;
- Xí nghiệp quản lý Cầu Chương Dương;
- Xí nghiệp Tổ chức Giao thông;
- Xí nghiệp Xây dựng Cầu và Thủy lợi;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình Giao thông;
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ;
- Xí nghiệp quản lý Cầu Vĩnh Tuy;
- Xí nghiệp quản lý Cầu Thanh Trì;
- Xí nghiệp quản lý Nam cầu Thanh Trì;
- Xí nghiệp quản lý Cầu Nhật Tân - Đông Trù;

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà văn phòng và dịch vụ thương mại, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với Ban quản lý dự án được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu chi tiết theo công trình và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải	6-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-08
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm	3-8
Tài sản cố định vô hình khác	2-20

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao là 45 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản, bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời, các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê bất động sản đầu tư, cơ sở hạ tầng), không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu..

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập..

Doanh thu cho thuê mặt bằng

Đối với hoạt động cho thuê mặt bằng là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần. Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Trong kỳ, Công ty phát sinh khoản giảm trừ doanh thu của một số công trình do công trình bị cắt giảm giá trị đầu tư sau kiểm toán theo Thông báo của Chủ đầu tư.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng: Là hợp đồng bằng văn bản về việc xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Hợp đồng xây dựng với giá cố định: Là hợp đồng xây dựng trong đó nhà thầu chấp thuận một mức giá cố định cho toàn bộ hợp đồng hoặc một đơn giá cố định trên một đơn vị sản phẩm hoàn thành. Trong một số trường hợp khi giá cả tăng lên, mức giá đó có thể thay đổi phụ thuộc vào các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm: Là hợp đồng xây dựng trong đó nhà thầu được hoàn lại các chi phí thực tế được phép thanh toán, cộng (+) thêm một khoản được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên những chi phí này hoặc được tính thêm một khoản phí cố định.

Hợp đồng xây dựng có thể được thỏa thuận để xây dựng một tài sản đơn lẻ, như: Một chiếc cầu, một tòa nhà, một đường ống dẫn dầu, một con đường hoặc xây dựng tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về thiết kế, công nghệ, chức năng hay mục đích sử dụng cơ bản của chúng, như: Một nhà máy lọc dầu, tổ hợp nhà máy dệt, may.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp là chủ yếu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ và tất cả đều hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	362.274.205	2.427.584.430
Tiền gửi ngân hàng	12.836.024.640	7.325.649.646
Các khoản tương đương tiền (*)	-	32.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng	-	32.000.000.000
Cộng	13.198.298.845	41.753.234.076

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất tùy theo từng hợp đồng cụ thể. Toàn bộ các hợp đồng đã được tất toán trong kỳ.

5.02 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	66.000.000.000	66.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	66.000.000.000	66.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Các Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất tùy theo từng hợp đồng, dao động từ 4,2%-4,6%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)****5.03 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ban Duy tu các công trình hạ tầng giao thông	20.495.857.000	64.927.042.000
Ban Quản lý dự án Giao thông Đô thị	15.273.846.404	7.584.392.404
Ban Quản lý dự án Quận Cầu Giấy	3.240.171.000	5.306.411.000
Công ty cổ phần Phụ tùng và Tư vấn ô tô	5.966.176.349	5.045.438.629
Công ty cổ phần Đầu tư An Lạc	2.266.155.019	5.418.090.572
Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	5.879.157.430	-
Phải thu các đối tượng khác	28.879.539.797	26.248.274.904
Cộng	82.000.902.999	114.529.649.509

N: C
ĐNC
NH
ITC
IET
NỘI

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.04 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	7.084.333.166	-	-	-
Trong đó				Quá hạn trên 3 năm
Ban Quản lý Dự án Giao Thông Đô Thị				1.421.285.424
Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghệ cao Hoà Lạc				944.087.932
Đối tượng khác				4.718.959.810
Cộng				7.084.333.166

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5.05 Trả trước người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP ĐT XD TM Hoàng Anh	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Tuấn Ngr	50.000.000	50.000.000
Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai (*)	7.465.509.382	7.465.509.382
Trả trước người bán khác	133.657.860	126.457.185
Cộng	7.689.167.242	7.681.966.567

(*) Hợp đồng thi công xây dựng số 67/2012/HĐXD ngày 19/9/2012 giữa Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hà Nội) - Ban QLDA và Công ty CP Bê tông và Xây dựng VINACONEX Xuân Mai, về việc thực hiện Gói thầu số 02 "Thi công ép cọc đại trà - cọc BTCT DƯỠ KT 500x500mm, ép cọc cừ - cọc BTCT DƯỠ KT496x500mm" cho Công trình nhà Văn phòng và Dịch vụ thương mại.

5.06 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược	25.000.000	-	25.000.000	-
Tạm ứng	6.117.901.750	-	6.553.627.250	-
XN quản lý công trình giao thông số 1	310.750.000	-	460.750.000	-
XN quản lý công trình giao thông số 2	2.809.368.629	-	2.454.368.629	-
XN quản lý công trình giao thông số 3	393.468.000	-	693.468.000	-
XN XD công trình giao thông	1.033.268.000	-	1.183.436.000	-
XN XDCT Cầu & Thuỷ lợi	198.200.000	-	611.157.500	-
Các đối tượng khác	1.372.847.121	-	1.150.447.121	-
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.132.000.000	-	396.684.932	-
Phải thu ngắn hạn khác	507.089.285	-	520.918.052	-
Cộng	7.781.991.035	-	7.496.230.234	-

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)****5.07 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.903.810.044	-	3.163.214.196	-
Công cụ, dụng cụ	41.175.543	-	51.528.487	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.452.761.814	-	25.395.825.154	-
- Thi công xây dựng tuyến đường trục chính mặt cắt ngang 48m (GD1) khu du lịch Quốc tế Đồi Rồng, P. Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng	6.307.529.967	-	6.846.170.818	-
- Xây dựng tuyến đường Văn Cao - Hồ Tây	2.247.307.138	-	3.245.494.006	-
- Thi công xây dựng hệ thống TCGT và các công việc còn lại đường Vành đai 2 dưới thấp đoạn Ngã tư Sở - Ngã Tư Vọng	9.364.231.278	-	-	-
- Thi công xây dựng hệ thống TCGT và các công việc còn lại đường Vành đai 2 dưới thấp đoạn Ngã tư Sở - Ngã Tư Vọng	2.801.148.999	-	-	-
- Các công trình khác	10.732.544.432	-	15.304.160.330	-
Thành phẩm	592.415.768	-	363.203.808	-
Cộng	34.990.163.169	-	28.973.771.645	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.08 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	2.872.359.332	29.903.029.742	10.525.834.192	891.188.845	161.981.818	44.354.393.929
Tăng trong năm	-	40.000.000	1.752.027.274	175.400.000	-	1.967.427.274
Mua trong năm	-	40.000.000	1.752.027.274	175.400.000	-	1.967.427.274
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.872.359.332	29.943.029.742	12.277.861.466	1.066.588.845	161.981.818	46.321.821.203
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.915.061.930	29.332.068.578	9.174.273.258	823.614.977	161.981.818	41.407.000.561
Tăng trong năm	166.621.493	223.573.129	674.771.942	81.453.491	-	1.146.420.055
Khấu hao trong năm	166.621.493	223.573.129	674.771.942	81.453.491	-	1.146.420.055
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.081.683.423	29.555.641.707	9.849.045.200	905.068.468	161.981.818	42.553.420.616
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	957.297.402	570.961.164	1.351.560.934	67.573.868	-	2.947.393.368
Tại ngày 31/12/2020	790.675.909	387.388.035	2.428.816.266	161.520.377	-	3.768.400.587

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.634.825.913 VND (tại ngày 31/12/2019 là 36.716.314.161 VND).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TÔNG HỢP (tiếp theo)

5.09 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	269.560.000	269.560.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>269.560.000</u>	<u>269.560.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	251.830.889	251.830.889
Tăng trong năm	17.729.111	17.729.111
Khấu hao trong năm	17.729.111	17.729.111
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>269.560.000</u>	<u>269.560.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2020	<u>17.729.111</u>	<u>17.729.111</u>
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 17.729.111 đồng, (tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng).

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

NGUYÊN GIÁ	Đơn vị tính: VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	50.715.389.861	50.715.389.861
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>50.715.389.861</u>	<u>50.715.389.861</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	18.552.828.524	18.552.828.524
Tăng trong năm	1.127.008.668	1.127.008.668
Khấu hao trong năm	1.127.008.668	1.127.008.668
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>19.679.837.192</u>	<u>19.679.837.192</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2020	<u>32.162.561.337</u>	<u>32.162.561.337</u>
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>31.035.552.669</u>	<u>31.035.552.669</u>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án 2 - Nhà văn phòng và Dịch vụ Thương mại 434 Trần Khát Chân (*)		
Chi phí XD/CB của văn phòng Công ty 434 Trần Khát Chân	31.468.063.556	27.580.465.196
Chi phí XD/CB của Ban quản lý Dự án	2.225.166.515	2.225.563.790
Cộng	33.693.230.071	29.806.028.986

(*) Chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà văn phòng và dịch vụ thương mại tại khu B số 434 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000160 ngày 28/5/2008 và Giấy phép xây dựng số 06/GPXD ngày 19/1/2011 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp. Hiện Công ty đang chờ quyết định của UBND Thành phố về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và quyết định phê duyệt bản đồ quy hoạch phân khu đô thị H1-4.

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	496.321.348	762.349.817
Lợi thế thương mại xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa	1.146.734.873	1.369.426.685
Cộng	1.643.056.221	2.131.776.502

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Bảo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư & xây dựng Công trình 656	2.458.507.200	2.458.507.200	2.336.790.209	2.336.790.209
Công ty TNHH xây dựng thương mại & xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	4.679.808.054	4.679.808.054	2.825.842.754	2.825.842.754
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Song Hữu	2.867.313.234	2.867.313.234	4.720.564.106	4.720.564.106
Công ty CP xây dựng và thương mại Nhật Anh	11.782.029.700	11.782.029.700	12.369.286.800	12.369.286.800
Công ty CP thương mại và XD Giao thông Viên Phát	2.898.606.290	2.898.606.290	3.321.622.250	3.321.622.250
Công ty CP Vật liệu Xây dựng AMADO Việt Nam	562.341.970	562.341.970	2.576.924.870	2.576.924.870
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải.	2.964.670.500	2.964.670.500	2.202.667.500	2.202.667.500
Công ty CP Sản xuất, xuất nhập khẩu và xây dựng Hà Nội	-	-	910.250.000	910.250.000
Công ty CP Vận tải, Thương mại & Du lịch Nhất Gia	2.333.822.595	2.333.822.595	1.831.551.595	1.831.551.595
Công ty TNHH TM & XD Quốc Thịnh	1.670.218.638	1.670.218.638	1.671.868.638	1.671.868.638
Công ty TNHH MTV công viên cây xanh Hà Nội	3.132.092.952	3.132.092.952	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phạm Đình	3.234.712.250	3.234.712.250	-	-
Phả trả người bán khác	53.411.370.861	53.411.370.861	59.258.354.628	59.258.354.628
Cộng	91.995.494.244	91.995.494.244	94.025.723.350	94.025.723.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**Mẫu B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)****5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ban Quản lý dự án quận Ba Đình	-	3.103.944.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội	3.315.000.000	3.315.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và du lịch Vạn Hương	-	18.206.330.840
Ban Quản lý dự án quận Cầu Giấy	1.066.708.000	-
Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm	138.366.457	138.366.457
Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	757.146.450	735.180.911
Công ty CP Điện chiếu sáng & Thiết bị Đô thị Hồ Gươm	660.000.000	660.000.000
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH một thành viên	745.986.000	745.986.000
Các khách hàng khác	1.599.125.966	1.782.676.966
Cộng	8.282.332.873	28.687.485.174

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND			VND
Phải nộp	4.456.352.782	24.170.833.239	23.077.386.682	5.549.799.339
Thuế giá trị gia tăng	3.439.651.724	11.300.528.786	9.758.883.418	4.981.297.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	809.498.936	1.835.071.815	2.215.941.250	428.629.501
Thuế thu nhập cá nhân	207.202.122	4.331.903.700	4.399.233.076	139.872.746
Lệ phí môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	6.685.328.938	6.685.328.938	-
Cộng	4.456.352.782	24.170.833.239	23.077.386.682	5.549.799.339

(*) Số thuế TNDN phải nộp 1.835.071.815 đồng bao gồm 1.728.629.501 đồng tiền thuế phải nộp trong kỳ, 102.483.219 đồng truy thu theo Biên bản Thanh tra thuế năm 2019 ngày 31/12/2020 và 3.959.095 đồng tăng theo điều chỉnh tờ khai thuế TNDN năm trước

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	01/01/2020	
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	29.752.356.869	29.752.356.869	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	29.752.356.869	29.752.356.869	-	-
Cộng	-	-	29.752.356.869	29.752.356.869	-	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động xây lắp	4.591.018.646	243.473.191
Công ty cổ phần VINA MEDIA	173.173.405	173.173.405
Công ty cổ phần đầu tư Hoàng Quốc Sơn	41.517.059	41.517.059
Tập đoàn VINGROUP - Công ty CP	4.347.545.455	-
Đối tượng khác	28.782.727	28.782.727
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động thuê nhà 11 tầng	896.918.535	951.762.925
Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và dịch vụ Mặt Trời Vàng		
Công ty bảo hiểm bưu điện Tràng An	295.779.545	172.829.032
Công ty TNHH Công nghệ Gia Đình	450.249.601	242.483.073
Công ty TNHH SUN ASTERISK Việt Nam	-	232.363.637
Công ty TNHH MTV ALFAMEDIA Việt Nam	-	116.725.937
Đối tượng khác	150.889.389	187.361.246
Cộng	5.487.937.181	1.195.236.116

5.18 Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	16.412.423.983	15.231.591.591
Kinh phí công đoàn	659.136.914	468.191.358
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	488.484.308
Phải trả cổ tức	4.602.967.100	4.370.429.400
Vốn góp của các bên vào DA 434 Trần Khát Chân (*)	9.685.599.489	9.685.599.489
- Công ty CP An Sinh	2.396.984.672	2.396.984.672
- Công ty CP Điện khí Trường Thành	184.441.860	184.441.860
- Công ty TNHH Đầu tư TM và DV Vận tải quốc tế	7.104.172.957	7.104.172.957
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành	172.287.000	172.287.000
Phải trả khác	1.292.433.480	46.600.036
Dài hạn	1.914.089.268	1.949.049.251
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.914.089.268	1.949.049.251
Công Ty CP đầu tư & tư vấn Tài Chính Dầu Khí VN	289.000.530	289.000.530
Công ty Cổ phần Phụ tùng và Tư vấn Ô tô	313.050.000	313.050.000
Công ty Cổ phần Bất động sản MEGASTAR	231.662.618	231.662.618
Công ty Cổ phần Sông Đà - HTC	224.640.000	224.640.000
Đối tượng khác	855.736.120	890.696.103
Cộng	18.326.513.251	17.180.640.842

(*) Giá trị góp vốn của các nhà đầu tư vào Công ty để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Văn phòng và dịch vụ thương mại tại 434 Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/BDAXD ngày 30/3/3011 giữa Công ty TNHH 1 Thành viên Công trình giao thông Hà Nội và Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vận tải Quốc tế, Liên danh Công ty Cổ phần An Sinh và Công ty Cổ phần Điện khí Trường Thành về việc Xây dựng và khai thác kinh doanh tòa nhà trung tâm thương mại và văn phòng số 434 Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ba bên cùng nhau Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Tòa nhà Trung tâm thương mại và văn phòng tại địa chỉ: 434 Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, cụ thể:

- Công ty TNHH NN MTV Công trình giao thông Hà nội (Bên A) góp vốn bằng giá trị tài sản mà bên A đã đầu tư trên đất, các chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí di dời giải phóng mặt bằng, và cung cấp hồ sơ dự án, bản vẽ, các quyết định, phê chuẩn, giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư, đồng thời cam kết sử dụng toàn bộ diện tích đã nêu ở điều 1.1 của hợp đồng này để xây dựng và khai thác toà nhà trong toàn bộ thời hạn thuê của khu đất 434 Trần Khát Chân;
- Vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Quốc tế (Bên B), 1 phần trong các chi phí xây dựng công trình, quản lý dự án, tư vấn giám sát công trình và các chi phí khác theo dự án đã được phê duyệt;
- Vốn góp của Công ty CP An Sinh (Bên C), 1 phần trong các chi phí xây dựng công trình, quản lý dự án, tư vấn giám sát công trình và các chi phí khác theo dự án đã được phê duyệt.

Các bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện dự án, nếu có biến động giá dẫn đến thay đổi Tổng giá trị chi phí xây dựng thì bên B và bên C chịu trách nhiệm góp vốn tăng thêm để đảm bảo thực hiện và hoàn thành toà nhà theo đúng tiến độ dự án đã được phê duyệt, việc phân chia diện tích quản lý sử dụng vẫn được áp dụng theo tỷ lệ đã qui định ở điều 2.5 của hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	115.000.000.000	3.962.090.391	(10.800.000)	530.395.517	(152.204.736)	119.329.481.172
Tăng trong năm	-	-	-	-	7.063.289.239	7.063.289.239
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	6.911.084.503	6.911.084.503
Tăng khác	-	-	-	-	152.204.736	152.204.736
Giảm trong năm	-	-	-	-	6.911.084.503	6.911.084.503
Chia cổ tức	-	-	-	-	4.369.589.600	4.369.589.600
Trích quỹ	-	-	-	-	2.241.494.903	2.241.494.903
Phân phối lợi nhuận liên kết	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 31/12/2019	115.000.000.000	3.962.090.391	(10.800.000)	530.395.517	-	119.481.685.908
Số dư 01/01/2020	115.000.000.000	3.962.090.391	(10.800.000)	530.395.517	-	119.481.685.908
Tăng trong năm	-	-	-	-	6.914.518.004	6.914.518.004
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	6.914.518.004	6.914.518.004
Giảm trong năm (*)	-	-	-	-	6.914.518.004	6.914.518.004
Chia cổ tức	-	-	-	-	4.599.568.000	4.599.568.000
Trích quỹ	-	-	-	-	1.938.445.715	1.938.445.715
Phân phối lợi nhuận liên kết	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	76.504.289	76.504.289
Số dư tại 31/12/2020	115.000.000.000	3.962.090.391	(10.800.000)	530.395.517	-	119.481.685.908

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 18/01/2021. Quyết định cuối cùng về việc phân phối lợi nhuận này sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Trả lợi nhuận theo hợp đồng liên kết (sản xuất trạm Thụý Lĩnh): 300.000.000 VND. Tạm trả cổ tức năm 2020 (11.498.920 CP x 10.000 đồng/1CP x 4%) là: 4.599.568.000 VND. Trích quỹ người quản lý Công ty năm 2020 là: 144.000.000 VND. Nộp tiền theo Thông báo Kiểm toán Nhà nước (26/12/2019) là: 76.504.289 VND. Tạm trích quỹ khen thưởng Công ty năm 2020 là: 897.222.857 VND; Quỹ phúc lợi Công ty năm 2020 là: 897.222.858 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5.19 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ủy Ban nhân dân Thành phố Hà Nội	84.929.910.000	84.929.910.000
Cổ đông là Nhân viên Công ty	17.673.890.000	23.170.090.000
Cổ phiếu quỹ	10.800.000	10.800.000
Các cổ đông khác	12.385.400.000	6.889.200.000
Cộng	115.000.000.000	115.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Phân phối lợi nhuận sau thuế	6.914.518.004	6.911.084.503

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.500.000	11.500.000
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.080	1.080
Cổ phiếu phổ thông	1.080	1.080
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.498.920	11.498.920
Cổ phiếu phổ thông	11.498.920	11.498.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

N: 010
 CÔNG T
 NHH
 TOÁN
 ETNAM
 01-V

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.01 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	276.683.348.631	293.741.256.523
Doanh thu công trình xây dựng	262.446.861.566	278.190.157.904
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.885.130.391	2.945.294.476
Doanh thu cho thuê bất động sản	11.351.356.674	12.605.804.143
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.208.745.381	1.337.270.113
Giảm trừ doanh thu theo quyết toán công trình	1.208.745.381	1.337.270.113
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.474.603.250	292.403.986.410
Doanh thu thuần công trình xây dựng	261.238.116.185	276.852.887.791
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.885.130.391	2.945.294.476
Doanh thu thuần cho thuê bất động sản	11.351.356.674	12.605.804.143
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.474.603.250	292.403.986.410

6.02 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn công trình xây dựng	249.053.879.754	263.945.513.390
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.962.235.094	2.052.425.115
Giá vốn cho thuê bất động sản	8.831.787.213	10.869.362.530
Cộng	259.847.902.061	276.867.301.035

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	5.499.448.091	4.367.177.869
Cộng	5.499.448.091	4.367.177.869

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi tiền vay	74.719.948	67.857.284
Cộng	74.719.948	67.857.284

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.564.871.036	8.253.617.245
Chi phí khấu hao TSCĐ	393.975.283	585.162.039
Thuế, phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000
Chi phí dự phòng	7.084.333.166	27.701.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.682.041.351	1.844.235.962
Chi phí khác bằng tiền	1.029.503.749	552.823.860
Cộng	12.772.724.585	11.281.540.836

6.06 Lợi nhuận khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác	364.442.758	84.390.849
Xuất toán chi phí công trình	198.690.000	-
Phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng thuê văn phòng chậm dứt trước thời hạn	165.752.728	60.622.728
Hoàn trả tiền lương công trình	-	23.767.585
Khác	30	536
Chi phí khác	-	344
Xử lý số dư do khách hàng trả thiếu	-	344
Lợi nhuận khác	364.442.758	84.390.505

6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.643.147.505	8.638.855.629
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm của năm nay	-	-
Thu nhập tính thuế	8.643.147.505	8.638.855.629
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm - thu nhập được miễn thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.643.147.505	8.638.855.629
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.728.629.501	1.727.771.126
Cộng chi phí thuế TNDN	1.728.629.501	1.727.771.126

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	6.914.518.004	6.911.084.503
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.314.950.004)</i>	<i>(2.541.494.903)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.599.568.000	4.369.589.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.498.920	11.498.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	400	380

Số điều chỉnh giảm đang tính trên số liệu ước tính sẽ phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành năm 2020. Số liệu chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Do đó, số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể bị thay đổi.

6.09 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	128.721.689.042	125.522.422.605
Chi phí nhân công	91.231.652.156	104.282.947.602
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.291.157.834	3.774.429.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.438.837.597	51.465.778.562
Chi phí bằng tiền khác	7.117.158.993	9.471.826.895
Cộng	271.800.495.622	294.517.404.972

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

7.02 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan bao gồm Cổ đông là Ủy Ban nhân dân Thành phố Hà Nội, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm, bao gồm:

Công ty không trích và không chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HÀ NỘI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**Mẫu B 09-DN****7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****7.02 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)***Tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Trương Thái Hòa	Thành viên (Tổng Giám đốc)	386.087.649	354.811.542
Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên (Phó Tổng Giám đốc)	314.899.789	284.159.591
Vũ Thanh Tùng	Thành viên (Phó Tổng Giám đốc)	323.087.582	287.681.673
Đặng Trần Trung	Thành viên	120.463.607	137.254.445
Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	223.417.238	-
Cộng		1.367.955.865	1.063.907.251

Tiền lương của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vũ Đức Linh	Trưởng Ban Kiểm soát	223.398.287	182.354.824
Nguyễn Hải Yên	Thành viên	159.889.109	147.737.550
Nguyễn Văn Dân	Thành viên	154.353.912	140.117.458
Cộng		537.641.308	470.209.832

Tiền lương của Ban Giám đốc, và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Trương Thái Hòa	Tổng Giám đốc	386.087.649	354.811.542
Đỗ Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	314.899.789	284.159.591
Vũ Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	323.087.582	287.681.673
Trần Thị Nguyệt	Trưởng phòng TCKT	161.770.892	142.618.011
Vũ Đức Linh	Người được ủy quyền công bố thông tin	223.398.287	182.354.824
Cộng		1.409.244.199	1.251.625.641

Trong đó có 04 thành viên gồm Ban Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát được hưởng lương từ quỹ lương Ban điều hành

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.03 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.198.298.845	41.753.234.076
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.580.659.118	122.025.879.743
Đầu tư ngắn hạn	66.000.000.000	30.000.000.000
Tổng cộng	155.778.957.963	193.779.113.819
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	110.315.481.579	111.206.364.192
Tổng cộng	110.315.481.579	111.206.364.192

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch ngoại tệ nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái nhưng có thể bị ảnh hưởng khi giá cả hàng hóa và lãi suất có biến động.

Quản lý rủi ro về giá hàng hoá

Chi phí nhân công chiếm tỷ lệ hơn 30% giá thành sản xuất, chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí sản xuất chung chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản xuất, do đó kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng khi có sự thay đổi về giá của các nguyên vật liệu, hàng hoá dịch vụ đầu vào.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty trong năm không phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ nên Công ty sẽ không gặp rủi ro khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Trong năm Công ty chỉ phát sinh các khoản vay ngắn hạn, do đó việc biến động về lãi suất trong biên độ ngắn hạn có thể gây ảnh hưởng không đáng kể cho Công ty.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.03 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	31/12/2020		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.198.298.845	-	13.198.298.845
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.580.659.118	-	76.580.659.118
Đầu tư ngắn hạn	66.000.000.000	-	66.000.000.000
Tổng tài sản tài chính	155.778.957.963	-	155.778.957.963
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	108.401.392.311	1.914.089.268	110.315.481.579
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
Tổng công nợ tài chính	108.401.392.311	1.914.089.268	110.315.481.579
Chênh lệch thanh khoản thuần	47.377.565.652	(1.914.089.268)	45.463.476.384

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.04 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yên

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Nguyệt

Tổng Giám đốc



Trương Thái Hòa



CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org